

CHÍNH TẢ

1. Điền *c* hoặc *k* vào chỗ trống :

kim khâu

cậu bé

kiên nhẫn

bà cụ

2. Viết những chữ cái còn thiếu trong bảng sau :

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
1	a	a
2	ă	á
3	â	ô
4	b	bé
5	c	xê
6	d	dê
7	đ	đê
8	e	e
9	ê	ê

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Chọn tên gọi cho mỗi người, mỗi vật, mỗi việc được vẽ dưới đây :



M : 1. trường

2. học sinh

3. chạy

4. cô giáo

5. hoa hồng

6. nhà

7. xe đạp

8. múa

2. Viết vào chỗ trống các từ :

- Chỉ đồ dùng học tập: *cặp, bút, thước, vở, sách, com-pa, hộp bút,...*
- Chỉ hoạt động của học sinh : *nghe, viết, đọc, phát biểu, làm toán, học bài,...*
- Chỉ tính nết của học sinh : *chăm chỉ, ngoan ngoãn, vâng lời, siêng năng,...*

3. Viết một câu nói về người hoặc cảnh vật trong mỗi tranh sau :



- Tranh và các bạn đang đi - Tranh định hái hoa thì Hòa trong công viên. ngăn lại.

CHÍNH TẢ

(1) Chọn chữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống :

- | | |
|-----------------|--------------------------------------|
| a) (lịch, nịch) | quyển lịch , chắc nịch |
| (làng, nàng) | nàng tiên, làng xóm |
| b) (bàng, bàn) | cây bàng , cái bàn |
| (thang, than) | hòn than , cái thang |

2. Viết những chữ cái còn thiếu trong bảng sau :

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
10	g	giê
11	h	hát
12	i	i
13	k	ca
14	l	e-lờ
15	m	em-mờ
16	n	en-nờ
17	o	o
18	ô	ô
19	ơ	ơ

TẬP LÀM VĂN

1. Viết tiếp cho hoàn chỉnh các câu sau :

- Em tên là *Đỗ Ngọc Phương Trinh*.
- Quê em ở *Nha Trang, Khánh Hòa*.
- Em học lớp *2A, Trường Tiểu học Kim Đồng*.
- Em thích môn *Toán, Tiếng Việt*.
- Em thích đi chơi công viên.

2. Viết nội dung mỗi tranh dưới đây bằng 1, 2 câu để tạo thành một câu chuyện.



Trinh và các bạn đi vào công viên chơi, mọi người vừa đi vừa nói chuyện rất vui vẻ.



Trinh nhìn thấy một khóm hoa hồng mới nở rất đẹp. Trinh chạy vội đến, đưa tay định ngắt bông hoa đẹp nhất.



Thấy vậy, Nam liền ngăn lại :

- *Bạn đừng ngắt hoa. Hãy để hoa làm đẹp cho công viên.*



Nghe Nam nói, Trinh hiểu ra và thôi không hái hoa nữa.

CHÍNH TẢ

(1) Điền vào chỗ trống :

a) **s** hoặc **x**

xoa **đ**ấu, ngoài **s**ân, chim **s**âu, **x**âu cá

b) **ă**n hoặc **â**ng

cổ **g**ắ**ng**, gắ**ng** bó, gắ**ng** sức, yên lặ**ng**

2. Viết những chữ cái còn thiếu trong bảng sau :

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20	p	pê
21	q	quy
22	r	e-rô
23	s	ét-sì
24	t	tê
25	u	u
26	ư	ư
27	v	vê
28	x	ích-xì
29	y	i dài

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết vào chỗ trống các từ :

Có tiếng học	Có tiếng tập
M : học hành, học tập, học hỏi, học giỏi, học sinh, chăm học, ăn học,...	M : tập đọc, tập viết, tập vẽ, tập tô, học tập, luyện tập, tập làm văn, tập thể dục,...

2. Đặt câu với một từ vừa tìm được ở bài tập 1 :

Em là học sinh lớp 2A.

Bạn Trinh rất chăm chỉ học tập.

Bạn Khang rất chịu khó học hỏi.

3. Sắp xếp lại các từ trong mỗi câu dưới đây để tạo thành một câu mới, rồi ghi vào chỗ trống :

M : Con yêu mẹ. → Mẹ yêu con.

a) Bác Hồ rất yêu thiếu nhi.

Thiếu nhi rất yêu Bác Hồ

b) Thu là bạn thân nhất của em.

Em là bạn thân nhất của Thu. / Bạn thân nhất của Thu là em.

/ Bạn thân nhất của em là Thu.

4. Đặt dấu câu thích hợp vào ☐ cuối mỗi câu sau :

- Tên em là gì ☐

- Em học lớp mấy ☐

- Tên trường của em là gì ☐

CHÍNH TẢ

1. Viết vào chỗ trống các chữ :

Bắt đầu bằng g	Bắt đầu bằng gh
M : <i>gà, gương, gạch, gỗ, gậy, gấm, gù, gan, gần, gắng</i>	M : <i>ghi, ghế, ghé, ghê, ghét</i>

2. Một nhóm học tập có 5 bạn là Huệ, An, Lan, Bắc và Dũng.

Em hãy viết tên các bạn ấy theo thứ tự bảng chữ cái :

An, Bắc, Dũ

TẬP LÀM VĂN

1. Ghi dấu x vào ☐ trước lời chào không đúng :

a) Em chào bố mẹ để đi học.

☒ Bố mẹ ạ.

b) Em chào thầy, cô đi đến trường.

☒ Thầy (cô) !

c) Em chào bạn khi gặp nhau ở trường.

☒ Ê !

2. Điền vào chỗ trống trong bản tự thuật dưới đây :

Tự thuật

Họ và tên : *Nguyễn Thanh Hằng*

Nam, nữ : *Nữ*

Ngày sinh : *15 - 09 - 2005*

Nơi sinh : *Thành phố Hồ Chí Minh*

Quê quán : *Xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.*

Nơi ở hiện nay : *128/27 Thiên Phước – phường 9 – quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.*

Học sinh lớp : *2B*

Trường : *Tiểu học Hoa Hồng, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2013

Người tự thuật

Hằng

Nguyễn Thanh Hằng

CHÍNH TẢ

1. Điền **ng** hoặc **nh** vào chỗ trống :

ngày tháng, nghỉ ngơi

người bạn, nghề nghiệp

(2) Điền vào chỗ trống :

a) **tr** hoặc **ch**

cây tre, mái che, trung thành, chung sức

b) **đổ** hoặc **đỡ**

đổ rác, thi đỗ, trời đổ mưa, xe đỗ lại

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết đúng từ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối) dưới mỗi tranh sau :



bộ đội



công nhân



ô tô / xe hơi



máy bay



con voi



con trâu



cây dừa



cây mía

2. Khoanh tròn các từ *chỉ sự vật* có trong bảng sau :

bạn	thân yêu	thuộc kẻ	dài
quý mến	cô giáo	chào	thầy giáo
bảng	nhỏ	học trò	viết
đi	nai	dũng cảm	cá heo
phượng vĩ	đỏ	sách	xanh

3. Đặt câu theo mẫu dưới đây :

Ai (hoặc cái gì, con gì)	là gì ?
M : <i>Bạn Vân Anh</i>	<i>là học sinh lớp 2A.</i>
<i>Con chim trong lồng</i>	<i>là chim họa mi.</i>
<i>Cuốn sách này</i>	<i>là sách Tiếng Việt.</i>

4. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu :

Ai (hoặc cái gì, con gì)	là gì ?
Em	<i>là học sinh lớp 2B.</i>
<i>Cây bút ba tặng</i>	<i>là đồ dùng học tập thân thiết của em.</i>

CHÍNH TẢ

1. Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống :

a) (ngờ, nghiêng) nghiêng ngả, nghi ngờ

b) (ngon, nghe) nghe ngóng, ngon ngọt

2. Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống :

a) (chở, trò) trò chuyện, che chở

(trắng, chấm) trắng tinh, chấm chỉ

b) (gỗ, gổ) cây gỗ, gây gổ

(mở, mở) màu mỡ, cửa mở

TẬP LÀM VĂN

1. Ghi số thứ tự 1, 2, 3, 4 vào ☐ dưới tranh theo đúng diễn biến câu chuyện *Gọi bạn* :



2. Ghi số thứ tự 1, 2, 3, 4 vào ☐ theo đúng diễn biến câu chuyện *Kiến và chim Gáy*.

- 3
- Chim Gáy đậu trên cây, thấy Kiến bị nạn, vội bay đi gấp một cành khô thả xuống dòng suối để cứu.
- 1
- Một hôm, Kiến khát quá, bèn bỏ xuống suối uống nước.
- 4
- Kiến bám vào cành cây, thoát chết.
- 2
- Chẳng may trượt ngã, Kiến bị dòng nước cuốn đi.

3. Lập danh sách một nhóm từ 3 đến 5 bạn trong tổ học tập của em theo bảng sau :

Số thứ tự	Họ và tên	Nam nữ	Ngày sinh	Nơi ở
1	Lê Hoàng Quân	Nam	14/05/2005	29 Hoàng Hoa Thám, TP.HCM
2	Trần Hồng Thắm	Nữ	26/05/2005	12 Lý Thường Kiệt, TP.HCM
3	Nguyễn Thị Mơ	Nữ	18/03/2005	320 Lạc Long Quân, TP.HCM
4	Đỗ Ngọc Trinh	Nữ	09/05/2005	56 Đất Thánh, TP.HCM
5	Phạm Thế Bảo	Nam	28/07/2005	10 Âu Cơ, TP.HCM

CHÍNH TẢ

1. Điền *iên* hoặc *yên* vào chỗ trống :

yên ổn, cô *tiên*, chim *yến*, thiếu *niên*

(2) Điền vào chỗ trống :

a) *r*, *d* hoặc *gi*

đa *dễ*, cụ *già*, ra vào, cặp *đa*

b) *ân* hoặc *ang*

văng *lời*, bạn *thân*, nhà *tầng*, bàn *chân*

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Điền vào mỗi cột trong bảng sau ít nhất 3 từ :

Chỉ người	Chỉ đồ vật	Chỉ con vật	Chỉ cây cối
<i>cô giáo</i>	<i>bút chì</i>	<i>mèo</i>	<i>cau</i>
<i>bạn bè</i>	<i>bút máy</i>	<i>kiến</i>	<i>dừa</i>
<i>bác sĩ</i>	<i>bảng đen</i>	<i>ong</i>	<i>chuối</i>
<i>công nhân</i>	<i>cặp sách</i>	<i>trâu</i>	<i>tre</i>
<i>em bé</i>	<i>tập vở</i>	<i>vịt</i>	<i>mè</i>

2. Đặt và trả lời câu hỏi về :

a) Ngày, tháng, năm

Câu hỏi	Trả lời
M : Bạn sinh năm nào ?	M : Tôi sinh năm 2005.
- Sinh nhật bạn vào tháng mấy ?	- Sinh nhật tôi vào tháng tám.
- Ngày mấy anh Hai sẽ đi học ?	- Ngày 10 anh Hai sẽ đi học.

b) Tuần, ngày trong tuần (thứ...)

Câu hỏi	Trả lời
M : Tháng hai có mấy tuần ?	M : Tháng hai có bốn tuần.
- Một tuần có mấy ngày ?	- Một tuần có bảy ngày.
- Hôm nay là thứ mấy ?	- Hôm nay là thứ hai.

3. Ngắt đoạn sau thành 4 câu rồi viết lại cho đúng chính tả :

Bài làm

(1)Trời mưa to. (2)Hòa quên mang áo mưa. (3)Lan rủ bạn đi chung áo mưa với mình. (4)Đôi bạn vui về ra về.

CHÍNH TẢ

1. Viết vào chỗ trống trong bảng :

3 chữ có iê	3 chữ có ye
M : con kiến, hiên, biếu, chiếu, tiến, tiếng	M: yên tĩnh, khuyên, yến, truyện, chuyển

(2) Điền tiếp vào chỗ trống một vài từ ngữ để phân biệt nghĩa của các tiếng in đậm :

a) - Hòa **đỗ** em đội mũ để đi ăn **giỗ** ông ngoại.

+ Viết là **đỗ** trong các từ ngữ sau : dạy dỗ, đỗ dành,...

+ Viết là **giỗ** trong các từ ngữ sau : ăn giỗ, đám giỗ, giỗ tổ Hùng Vương, ngày giỗ,...

- Chúng tôi lênh đênh trên **dòng** sông **ròng** rã ba ngày.

+ Viết là **dòng** trong các từ ngữ sau : dòng sông, dòng suối, dòng nước, dải dòng, dòng kẻ,...

+ Viết là **ròng** trong các từ ngữ sau : ròng rọc, nước ròng, ròng rã,...

b) - Tôi viết những **vấn** thơ về **vắng** trăng quê hương.

+ Viết là **vấn** trong các từ ngữ sau: vấn vũ, học vấn, đánh vấn,...

+ Viết là **vắng** trong các từ ngữ sau : vắng trán, vắng trăng,...

- Dân làng **dân** lên nhà vua nhiều của ngon vật lạ.

+ Viết là **dân** trong các từ ngữ sau : dân chúng, dân số, dân tộc, dân sinh, dân dã, nhân dân,...

+ Viết là **dâng** trong các từ ngữ sau : dâng hiến, dâng lễ, dâng cao,...

TẬP LÀM VĂN

1. Viết lời cảm ơn của em trong mỗi trường hợp sau :

- Khi bạn cùng lớp cho em đi chung áo mưa.

Cảm ơn bạn, bạn thật tốt bụng !

- Khi cô giáo cho em mượn quyển sách.

Em cảm ơn cô, ngày mai em sẽ mang sách đầy đủ.

- Khi em bé nhặt hộ em chiếc bút rơi.

Anh (chị) cảm ơn em, em ngoan quá !

2. Viết lời xin lỗi của em trong mỗi trường hợp sau :

- Khi em lỡ bước, giẫm vào chân bạn.

Xin lỗi bạn, mình vô ý quá !

- Khi em mãi chơi, quên làm việc mẹ đã dặn.

Con xin lỗi mẹ, lần sau con sẽ nhớ lời mẹ dặn.

- Khi em đùa nghịch, va phải một cụ già.

Cháu xin lỗi ông (bà), ông (bà) có sao không ạ ?

3. Viết 3 - 4 câu nói về nội dung mỗi tranh dưới đây, trong đó có dùng lời cảm ơn hay xin lỗi thích hợp :



Mẹ mua cho Trinh một con gấu bông.

Trinh đưa hai tay nhận và nói :

- *Con gấu bông đẹp quá ! Con cảm ơn mẹ !*



Nam chạy giỡn làm vỡ bình hoa của mẹ.

Nam khoanh tay đứng trước mặt mẹ và nói :

- *Con xin lỗi mẹ !*

CHÍNH TẢ

1. Điền **la** hoặc **ya** vào chỗ trống :

tia nắng, đêm khuya, cây mía

(2) a) Viết vào chỗ trống từ chứa tiếng có âm đầu **l** hoặc **n** :

- Chỉ vật đội trên đầu để che mưa nắng : **nón**
- Chỉ con vật kêu ủa ủa : **lợn**
- Có nghĩa là ngại làm việc : **lười**
- Trái nghĩa với *giả* : **non**

b) Viết vào chỗ trống từ chứa tiếng có vần **en** hoặc **eng** :

- Chỉ đồ dùng để xúc đất : **xẻng**
- Chỉ vật dùng để chiếu sáng : **đèn**
- Trái nghĩa với *chê* : **khen**
- Cùng nghĩa với *xấu hổ* (*mắc cỡ*) : **thẹn**.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết vào chỗ trống :

a) Tên hai bạn trong lớp :

- Lê Trần Bảo Trâm.
- Đỗ Minh Khang.

b) Tên một dòng sông (hoặc suối, kênh, rạch, hồ, núi, ...) ở địa phương em :

Sông : Hồng, Hương, Cửu Long, Đồng Nai, Sài Gòn,...

Hồ : Ba Bể, Hoàn Kiếm, Xuân Hương,...

2. Đặt câu theo mẫu :

Ai (hoặc cái gì, con gì)	là gì ?
M : Môn học em yêu thích	là môn Tiếng Việt.

a) Giới thiệu trường em.

Trường em là Trường Tiểu học Kim Đồng.

b) Giới thiệu một môn học em yêu thích.

Môn học em yêu thích là môn Toán.

c) Giới thiệu làng (xóm, bản, ấp, sóc, phố) của em.

Nơi em ở là phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

CHÍNH TẢ

(1) Điền vào chỗ trống :

a) *l* hoặc *n*

Long lanh đáy nước in trời,

Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.

b) *en* hoặc *eng*

Đêm hội, ngoài đường người và xe chen chúc. Chuông xe xích lô **leng keng**, còi ô tô inh ỏi. Vì sợ lỡ hẹn với bạn, Hùng cố **len** qua dòng người đang đổ về sân vận động.

c) *i* hoặc *iê*

Cây bàng lá nõn xanh ngời,

Ngày ngày chim đến tìm mồi chirp chiru.

Đường xa gánh nặng sớm chiều,

Kê cái đòn gánh bao nhiêu người ngồi.

(2) Tìm và ghi vào chỗ trống :

a) Những tiếng bắt đầu bằng

l : *là, lên, len, li, ló, lành, linh, lượng, lớn,...*

n : *no, nước, na, nổi, nấu, nển, nóng, non,...*

b) Những tiếng có vần

en : *len, kén, hẹn, thẹn, chén, (đế) mèn, bèn,...*

eng : *xéng, (xà) beng, leng keng, kèng,...*

c) Những tiếng có vần

im : *tìm, kìm, tím, tím, chim, mĩm, lìm, sim,...*

iêm : *tiêm, kiếm, kiểm, chiếm, liếm,...*

TẬP LÀM VĂN

1. Dựa vào các tranh sau, trả lời câu hỏi :



Bạn trai đang vẽ ở đâu ?

Bạn trai đang vẽ lên bức tường của nhà trường.

Mình vẽ có đẹp không?



Bạn trai nói gì với bạn gái ?

Bạn trai nói với bạn gái :

- Mình vẽ có đẹp không ?

Vẽ lên tường làm xấu tường, lớp.



Bạn gái nhận xét như thế nào ?

Bạn gái ngắm bức tranh rồi nói:

- Bạn vẽ lên tường làm xấu tường, lớp !



Hai bạn đang làm gì ?

Hai bạn rủ nhau đi lấy xô, chổi quét vôi lại bức tường cho sạch.

2. Đặt tên cho câu chuyện ở bài tập 1:

Không nên vẽ lên tường.

3. Viết tên các bài tập đọc trong tuần 6 :

- Mẫu giấy vụn

- Ngôi trường mới nhất

- Mua kính

CHÍNH TẢ

1. Điền *ai* hoặc *ay* vào chỗ trống :

- a) mái nhà, máy cày
- b) thỉnh tai, giờ tay
- c) chải tóc, nước chảy

(2) Chọn chữ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống cho thích hợp :

- | | |
|---------------|----------------------------|
| a) (sa, xa) | xa xôi, sa xuống |
| (sá, xá) | phố xá, đường xá |
| b) (ngã, ngả) | ngã ba đường, ba ngã đường |
| (vẽ, vẽ) | vẽ tranh, có vẽ |

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm :

a) Em là học sinh lớp 2.

Ai là học sinh lớp 2 ?

b) Môn học em yêu thích là Tiếng Việt.

Môn học em yêu thích là gì ?

(2) Ghi lại những cách nói có nghĩa giống với nghĩa của các câu sau :

a) Mẩu giấy không biết nói.

- *Mẩu giấy không biết nói đâu !*
- *Mẩu giấy có biết nói đâu !*
- *Mẩu giấy đâu có biết nói !*

b) Em không thích nghỉ học.

- *Em không thích nghỉ học đâu.*
- *Em có thích nghỉ học đâu.*
- *Em đâu có thích nghỉ học.*

c) Đây không phải đường đến trường.

- Đây đâu có phải đường đến trường.
- Đây không phải đường đến trường đâu.
- Đây có phải là đường đến trường đâu.

3. Tìm các đồ dùng học tập được vẽ ẩn trong tranh sau. Điền thông tin vào bảng :



Số thứ tự	Tên đồ dùng học tập	Số lượng	Tác dụng (dùng làm gì ?)
1	vở	4 quyển	ghi bài
2	cặp	3 chiếc	đựng sách, vở, bút thước,...
3	mực	2 lọ	để viết
4	bút chì	2 cây	để viết
5	thước kẻ	1 cái	đo và kẻ đường thẳng
6	ê ke	1 cái	đo và kẻ đường thẳng, vẽ các góc
7	compa	1 cái	vẽ vòng tròn

CHÍNH TẢ

1. Viết các từ ngữ chứa tiếng có vần **ai** hoặc **ay** :

M : cái *tai*, *chân tay*

Vần **ai** : *tai, mai, bài, sai, chai, trai, trái, mái, mãi, hai, nai,...*

Vần **ay** : *tay, may, bay, máy, bày, cay, cây, say,...*

(2) Viết các từ ngữ chứa tiếng :

a)

Bắt đầu bằng s	Bắt đầu bằng x
<i>sẻ, sáo, sò, sung, si, sim, sao, sông, sóng,...</i>	<i>xôi, xào, xem, xinh, xanh, xấu, xa, xã, xoan, xuân,...</i>

b)

Có thanh hỏi	Có thanh ngã
<i>chảy, mở, nghĩ, đỏ, cỏ, nở, chổi, mỏ, hải, thủy,...</i>	<i>ngỡ, mở, vông, muối, võ, mỗ, gây,...</i>

TẬP LÀM VĂN

① Trả lời mỗi câu hỏi sau bằng hai cách rồi ghi vào chỗ trống :

M : Em có thích đọc thơ không ?

- Có, em rất thích đọc thơ.
- Không, em không thích đọc thơ.

a) Em có đi xem phim không ?

- Có, em có đi xem phim.
- Không, em không đi xem phim.

b) Mẹ có mua báo không ?

- Có, mẹ có mua báo.
- Không, mẹ không mua báo.

c) Em có ăn cơm bây giờ không ?

- Có, em có ăn cơm bây giờ.
- Không, em không ăn cơm bây giờ.

2. Đặt câu theo mẫu sau (mỗi mẫu 1 câu) :

a) Trường em **không** xa **đâu** !

Viết này không phải của em đâu ! / Nhà em không xa đâu !

b) Trường em **có** xa **đâu** !

Viết này có phải của em đâu ! / Nhà em có xa đâu !

c) Trường em **đâu** **có** xa !

Viết này đâu có phải của em ! / Nhà em đâu có xa !

3. Đọc mục lục của một tập truyện thiếu nhi. Ghi lại tên 2 truyện, tên tác giả và số trang theo thứ tự trong mục lục.

Tên tập truyện : *Tuyển chọn những truyện cổ tích hay nhất.*

Số thứ tự	Tên truyện	Tác giả	Trang
1	Ba chú Heo con	Tri Thức Việt (dịch)	8
2	Cô bé quàng khăn đỏ	Tri Thức Việt (dịch)	12

CHÍNH TẢ

1. Điền *ui* hoặc *uy* vào chỗ trống :

bụi **phấn**, huy **hiệu**, vui **vẻ**, tận **tụy**

(2) Điền vào chỗ trống :

a) *tr* hoặc *ch*

giò **chả**, trả **lại**, con **trăn**, cái **chăn**

b) *iên* hoặc *iêng*

tiếng **nói**, tiến **bộ**, lừa **biếng**, biến **mất**

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Ghi vào chỗ trống tên các môn em học ở lớp 2 :

Tiếng Việt

Toán

Âm nhạc, Mĩ thuật, Thủ công

Thể dục

Đạo đức, Tự nhiên xã hội

2. Viết từ chỉ hoạt động phù hợp với mỗi tranh dưới đây :



đọc sách



viết bài



học bài



trò chuyện

3. Viết lại nội dung mỗi tranh nói trên bằng một câu :

Tranh 1 : *Trinh đang đọc sách.*

Tranh 2 : *Khang đang viết bài.*

Tranh 3 : *Bà hướng dẫn em học bài.*

Tranh 4 : *Trinh và Trang đang trò chuyện.*

4. Điền từ chỉ hoạt động thích hợp vào chỗ trống :

a) Cô Tuyết Mai **dạy** môn Tiếng Việt.

b) Cô **giảng** bài rất dễ hiểu.

c) Cô **khuyến** chúng em chăm học.

CHÍNH TẢ

1. Điền *tiếng* và *từ ngữ* thích hợp vào chỗ trống trong bảng :

Âm đầu	Vần	Thanh	Tiếng	Từ ngữ
v	ui	ngang	vui	<i>vui, vui vẻ, yên vui, vui thích, vui sướng,...</i>
th	uy	hỏi	thủy	<i>thủy chung, thủy triều, thủy thủ, tàu thủy,...</i>
n	ui	sắc	núi	<i>núi, núi non, sông núi, đồi núi,...</i>
l	uy	ngã	lũy	<i>lũy tre, thành lũy,...</i>

(2) a) Điền các từ **che**, **tre**, **trắng**, **trắng** vào chỗ trống cho phù hợp :

Quê hương là cầu **tre** nhỏ,

Mẹ vể nón lá nghiêng **che**.

Quê hương là đêm **trắng** tỏ,

Hoa cau rụng **trắng** ngoài thềm.

b) Điền vào chỗ trống 2 từ ngữ có tiếng mang vần **iên**, 2 từ ngữ có tiếng mang vần **lêng** :

M : con kiến, miếng mồi

iên	1 biển, bà tiên,...	2 viên phấn, đèn điện,...
lêng	1 siêng năng, lưỡi biếng,...	2 cổng chiêng, sáu riêng,...

TẬP LÀM VĂN

1. Viết tiếp nội dung mỗi tranh dưới đây để tạo thành câu chuyện có tên *Bút của cô giáo* :



Hôm nay, Tường quên bút ở nhà. Đến lúc viết bài, em hốt hoảng bảo Vân :

- Tôi quên không mang bút. Cậu cho tôi mượn nhé ?



Vân nói :

- *Tờ chỉ có một cái bút. Làm sao bây giờ ?*
 Nghe thấy thế, cô giáo đưa cho Tường một cái bút rồi bảo :

- *Em cầm lấy mà dùng, ngày mai đừng quên bút nữa nhé !*

Tường đưa hai tay nhận bút và nói :

- *Em cảm ơn cô ạ !*

Hôm cô giáo trả bài, Tường được điểm 10.
 Về nhà, em khoe với mẹ :

- *Nhờ bút của cô giáo, con làm bài được 10 điểm.*

Mẹ mỉm cười và nói :

- *Mẹ rất vui vì con được điểm 10. Con nhớ cảm ơn cô giáo nhé !*



2. Viết lại thời khóa biểu ngày mai của lớp em :

Thứ ba

Các môn học :

Tiếng Việt

Thể dục

Toán

Mĩ thuật

3. Dựa theo thời khóa biểu ở bài tập trên, trả lời từng câu hỏi sau :

a) Ngày mai có mấy tiết ?

Ngày mai có 5 tiết.

b) Đó là những tiết gì ?

Toán, Tiếng Việt, Toán, Thể dục, Mĩ thuật.

c) Em cần mang những quyển sách gì đến trường ?

Em cần mang những quyển sách là: Toán, Tiếng Việt, Mĩ thuật.

CHÍNH TẢ

1. Điền **ao** hoặc **au** vào chỗ trống :

- a) Một con ngựa **đau**, cả tàu bỏ **cỏ**.
- b) Trèo **cao** ngã **đau**.

(2) Điền vào chỗ trống :

a) **r, d** hoặc **gí**

- con **đao**, tiếng **rao** hàng, **giao** bài tập về nhà,...
- **dè dặt**, **giặt** giữ quần áo, chỉ có **rất** một loài cá,...

b) **uốn** hoặc **uống**

- Muốn biết phải hỏi, **muốn** giỏi phải học.
- Không phải **bỏ**

Không phải **trâu**

Uống nước **ao** sâu

Lên cây **ruộng** cạn.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Gạch dưới từ chỉ hoạt động, trạng thái của loài vật và sự vật trong mỗi câu sau :

- a) Con trâu ăn cỏ.
- b) Đàn bò uống nước dưới sông.
- c) Mặt trời tỏa ánh nắng rực rỡ.

2. Chọn từ thích hợp (**giơ, đuổi, chạy, nhẹ, luồn**) điền vào mỗi chỗ trống trong bài đồng dao dưới đây :

Con mèo, con mèo

Đuổi theo con chuột

Giơ vuốt, **nhẹ** nhanh

Con chuột **chạy** quanh

Luồn hang **luồn** hốc.

3. Đặt **dấu phẩy** vào những chỗ thích hợp trong mỗi câu sau :
- Lớp em học tập tốt, lao động tốt.
 - Cô giáo chúng em rất yêu thương, quý mến học sinh.
 - Chúng em luôn kính trọng, biết ơn các thầy giáo, cô giáo.

CHÍNH TẢ

1. Viết 3 từ có tiếng mang vần **ao**, 3 từ có tiếng mang vần **au** :

ao	1 chào cờ, cơn bão	2 trao đổi, cơn cáo	3 ngôi sao, dao, cháo
au	1 rau cải, báu vật	2 cây cau, đau	3 lau bừa, cháu, mau

- (2) a) Đặt câu để phân biệt các tiếng trong mỗi bảng sau :

- da : Da em bé trắng hồng.
- ra : Cô giáo vừa bước ra khỏi lớp.
- gia : Gia đình em rất yêu thương nhau.
- dao : Con dao này sắc quá.
- rao : Cô bán bánh rao khăn giọng mà chẳng ai mua.
- giao : Cô giáo giao rất nhiều bài tập về nhà.

- b) Điền vào chỗ trống từ chứa tiếng có vần **uốn** hoặc **uống** :

- Đồng ruộng quê em luôn xanh tốt.
- Nước từ trên nguồn đổ xuống, chảy cuộn cuộn.

TẬP LÀM VĂN

1. Viết lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị đối với bạn :

- a) Bạn đến thăm nhà em. Em mở cửa mời bạn vào chơi.

Chào cậu (bạn), mời cậu (bạn) vào nhà tớ (mình) chơi !

- b) Em thích một bài hát mà bạn đã thuộc. Em nhờ bạn chép lại cho mình.

Trình ơi, chép hộ (giúp) mình bài hát Mẹ và cô nhé !

- c) Bạn ngồi bên cạnh nói chuyện trong giờ học. Em yêu cầu (đề nghị) bạn giữ trật tự để nghe cô giáo giảng bài.

Khang ơi, bạn đừng nói chuyện nữa để nghe cô giảng nhé !

2. Dựa vào phần trả lời những câu hỏi dưới đây, em hãy viết một đoạn 4, 5 câu nói về cô giáo (hoặc thầy giáo) đã dạy em ở lớp 1:
- a) Cô giáo (hoặc thầy giáo) lớp 1 của em tên là gì ?
 - b) Tình cảm của cô (hoặc thầy) đối với học sinh như thế nào ?
 - c) Em nhớ nhất điều gì ở cô (hoặc thầy) ?
 - d) Tình cảm của em đối với cô giáo (hoặc thầy giáo) như thế nào ?

Bài làm

Cô giáo lớp Một của em tên là Khánh. Cô rất yêu thương chúng em và chăm lo cho chúng em rất chu đáo. Em nhớ nhất bàn tay dịu dàng của cô khi cô cầm tay em viết từng nét chữ. Mặc dù không còn học cô nữa nhưng em vẫn luôn nhớ đến cô và biết ơn cô.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (·)

Tiết 1

1. Xếp các từ *bạn bè, bán, thỏ, chuối, xoài, mèo, xe đạp, Hùng* vào bảng dưới đây :

Chỉ người	Chỉ đồ vật	Chỉ con vật	Chỉ cây cối
<i>bạn bè</i>	<i>bán</i>	<i>thỏ</i>	<i>chuối</i>
<i>Hùng</i>	<i>xe đạp</i>	<i>mèo</i>	<i>xoài</i>

2. Tìm thêm các từ khác xếp vào bảng ở bài tập 1.

Chỉ người	Chỉ đồ vật	Chỉ con vật	Chỉ cây cối
<i>đồng chí</i>	<i>cặp</i>	<i>heo</i>	<i>quýt</i>
<i>Nam</i>	<i>xe máy</i>	<i>gà</i>	<i>thanh long</i>
<i>thầy giáo</i>	<i>thuốc</i>	<i>chó</i>	<i>táo</i>
<i>ông, bà</i>	<i>viết máy</i>	<i>voi</i>	<i>cam</i>
<i>anh, chị</i>	<i>tủ lạnh</i>	<i>khỉ</i>	<i>mía</i>

Tiết 2

1. Đặt 2 câu theo mẫu :

Ai (cái gì, con gì)	là gì ?
M : <i>Bạn Lan</i>	<i>là học sinh giỏi.</i>

Câu 1 : - Bố em là giám đốc.

- Mẹ em là kế toán.

Câu 2 : - Hùng là bạn thân của em.

- Trinh là con út trong gia đình em.

2. Ghi vào chỗ trống tên riêng của các nhân vật trong những bài tập đọc đã học ở tuần 7 và tuần 8 theo đúng thứ tự bảng chữ cái :

Tuần	Tên bài tập đọc (có nhân vật mang tên riêng)	Tên riêng nhân vật xếp theo thứ tự bảng chữ cái
7, 8	<i>Bàn tay dịu dàng</i> <i>Người thầy cũ</i> <i>Người mẹ hiền</i>	An Dũng, Khánh Minh, Nam

Tiết 3

1. Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi người, mỗi vật trong bài *Làm việc thật là vui* (sách *Tiếng Việt 2*, tập một, trang 16), rồi viết vào bảng sau :

Từ ngữ chỉ người, vật	Từ ngữ chỉ hoạt động
M : <i>Đồng hồ</i>	<i>tích tắc, tích tắc báo phút, báo giờ.</i>
Con gà trống	<i>gáy vang ó... ó... ó... báo trời sáng.</i>
Con tu hú	<i>kêu tu hú, tu hú báo sắp đến mùa vải chín.</i>
Chim sâu	<i>bắt sâu, bảo vệ mùa màng.</i>
Cành đào	<i>nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ.</i>
Bé	<i>làm bài, đi học, quét nhà, nhặt rau, chơi với em đồ mẹ.</i>

2. Dựa theo cách viết trong bài *Làm việc thật là vui*, hãy đặt một câu nói về :

a) Một con vật.

Chó vẫy đuôi mừng em đi học về.

b) Một đồ vật.

Ba mua tặng em chiếc bàn học khi em vào lớp 1.

c) Một loài cây hoặc một loài hoa.

Hoa đào nở báo hiệu Tết đến.

Tiết 4

Dựa theo tranh, trả lời câu hỏi :



Hàng ngày, ai đưa Tuấn đi học ?

Hàng ngày, mẹ là người đưa

Tuấn đi học.

Vì sao hôm nay mẹ không

đưa Tuấn đi học được ?

*Hôm nay, mẹ không đưa Tuấn
đi học được vì mẹ bị ốm.*



Tuấn làm gì để giúp mẹ ?

Tuấn rót nước cho mẹ uống, đắp

khăn lên trán mẹ cho mẹ hạ sốt.



Tuấn đến trường bằng cách

nào ?

Tuấn tự mình đi bộ đến trường.

Tiết 5

1. Ghi lời em nói trong những trường hợp sau :

a) Khi bạn hướng dẫn em gấp chiếc thuyền giấy.

Cảm ơn Trinh nhé, chiếc thuyền đẹp quá !

b) Khi em làm rơi chiếc bút của bạn.

Xin lỗi bạn (cậu), để mình (tớ) nhặt lên cho bạn (cậu).

c) Khi em mượn sách của bạn và trả không đúng hạn.

Tớ (Mình) xin lỗi cậu (bạn) vì không đúng hạn, ngày mai tớ (mình) sẽ đem sách trả cho cậu (bạn).

d) Khi có khách đến chơi nhà biết em học tập tốt, chúc mừng em.

Cháu cảm ơn chú (bác, cô, dì,...), cháu sẽ cố gắng hơn nữa ạ !

2. Điền **dấu chấm** hoặc **dấu phẩy** vào mỗi dưới đây :

Nằm mơ

- Mẹ ơi, đêm qua con nằm mơ. Con chỉ nhớ là con bị mất một vật gì đó. Nhưng con chưa kịp tìm thấy thì mẹ gọi con dậy rồi Thế về sau mẹ có tìm thấy vật đó không hở mẹ ?

- Ô hay, con nằm mơ thì làm sao mẹ biết được !

- Nhưng lúc mơ con thấy mẹ cũng ở đấy, mẹ đang tìm hộ con cơ mà.

Tiết 6

1. Dựa theo mục lục ở cuối sách *Tiếng Việt 2, tập một*, ghi tên các bài em đã học trong tuần 8 :

Phân môn	Nội dung	Trang
Tập đọc	<i>Người mẹ hiền</i>	63
Kể chuyện	<i>Người mẹ hiền</i>	64

Chính tả	Tập chép. <i>Người mẹ hiền</i> phân biệt ao / au, r / d / gi, uồn / uông	65
Tập đọc	<i>Bàn tay dịu dàng</i>	66
Luyện từ và câu	Từ chỉ hoạt động, trạng thái Dấu phẩy	67
Tập viết	Chữ hoa G	67
Tập đọc	<i>Đổi giày</i>	68
Chính tả	Nghe – viết : <i>Bàn tay dịu dàng</i> Phân biệt ao/au, r/d/gi, uồn/uông	69
Tập làm văn	Mời – nhờ, yêu cầu, đề nghị. Kể ngắn theo câu hỏi	69

2. Ghi lời *mời, nhờ, đề nghị* của em trong những trường hợp sau :

- a) Em nhờ mẹ mua giúp em một tấm thiệp chúc mừng cô giáo (thầy giáo) nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11.

Mẹ mua giúp con tấm thiệp chúc mừng để con tặng cô giáo nhân ngày 20 – 11, mẹ nhé !

- b) Em phụ trách phần văn nghệ trong buổi liên hoan của lớp mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam. Em mời các bạn hát (hoặc múa, chơi đàn, kể chuyện,...).

Mời bạn Trinh lên hát iạng cô bài Mẹ và cô.

- c) Trong giờ học, cô giáo (hay thầy giáo) đặt câu hỏi, nhưng em chưa nghe rõ hoặc chưa hiểu rõ. Em đề nghị cô (thầy) nêu lại câu hỏi đó.

Thưa cô, xin cô nhắc lại câu hỏi giúp em ạ !

CHÍNH TẢ

1. Điền *c* hoặc *k* vào chỗ trống :

con cá, con kiến, cây cầu, dòng kênh

(2) Điền vào chỗ trống :

a) *l* hoặc *n*

lo sợ, ăn no, hoa lan, thuyền nan

b) *nghỉ* hoặc *nghi*

nghỉ học, lo nghi, nghỉ ngơi, ngắm nghi

Tiết 7

Trò chơi ô chữ

1. Điền từ vào các ô trống theo hàng ngang :

- Dòng 1 : Viên màu trắng (hoặc đỏ, vàng, xanh) dùng để viết chữ lên bảng (có 4 chữ cái, bắt đầu bằng chữ P).
- Dòng 2 : Tập giấy ghi ngày, tháng trong năm (có 4 chữ cái, bắt đầu bằng chữ L).
- Dòng 3 : Đồ mặc có hai ống (có 4 chữ cái, bắt đầu bằng chữ Q).
- Dòng 4 : Nhỏ xiu, giống tên thành phố của bạn Mít trong một bài tập đọc em đã học (có 5 chữ cái, bắt đầu bằng chữ T).
- Dòng 5 : Vật dùng để ghi lại chữ viết trên giấy (có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ B).
- Dòng 6 : Thứ ngắt từ trên cây, thường dùng để tặng nhau hoặc trang trí (có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ H).
- Dòng 7 : Tên ngày trong tuần, sau ngày thứ ba (có 2 chữ cái, bắt đầu bằng chữ T).
- Dòng 8 : Nơi thợ làm việc (có 5 chữ cái, bắt đầu bằng chữ X).
- Dòng 9 : Trái nghĩa với trắng (có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ Đ).
- Dòng 10 : Đồ vật dùng để ngồi (có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ G).

			1	P	H	Ấ	N
2	L	I	C	H			
	3	Q	U	Ấ	N		
4	T	I	H	O	N		
	5	B	Ú	T			
		6	H	O	A		
		7	T	Ư			
	8	X	Ư	Ở	N	G	
	9	Đ	E	N			
		10	G	H	Ế		

2. Ghi từ mới xuất hiện ở cột dọc : **Phần thưởng**

Tiết 8

BÀI LUYỆN TẬP

1. Đọc thầm mẩu chuyện *Đôi bạn* (sách *Tiếng Việt 2*, tập một, trang 75), ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Búp Bê làm những việc gì ?

☒ Quét nhà, rửa bát và nấu cơm.

b) Đế Mèn hát để làm gì ?

☒ Thấy bạn vất vả, hát để tặng bạn.

c) Khi nghe Đế Mèn nói, Búp Bê đã làm gì ?

☒ Cảm ơn và khen ngợi tiếng hát của Đế Mèn.

d) Vì sao Búp Bê cảm ơn Đế Mèn ?

☒ Vì cả hai lí do trên.

e) Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu *Ai là gì?*

☒ Tôi là Đế Mèn.

2. Viết một đoạn văn (từ 3 đến 5 câu) nói về em và trường em :

Em tên là Đỗ Ngọc Phương Trinh. Em là học sinh Trường Tiểu học Kim Đồng. Trong lớp, em có rất nhiều bạn thân. Trường em có rất nhiều cây xanh, bóng mát nằm trên một con đường lớn của Thành phố Hồ Chí Minh.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết lại những từ chỉ người thân (gia đình, họ hàng) trong câu chuyện *Sáng kiến của bé Hà* :

bố, ông bà, mẹ, cô, chú, con, cháu

2. Viết thêm các từ chỉ người thân mà em biết :

bác, dì, dượng, anh, chị, chú, thím, cậu, mẹ,...

3. Viết vào mỗi cột trong bảng sau ba từ chỉ người thân mà em biết :

Họ nội	Họ ngoại
<i>ông nội, bà nội, bác, chú, cô, thím, dượng,...</i>	<i>ông ngoại, bà ngoại, cậu, dì, mẹ, bác, dượng,...</i>

4. Điền vào ☐ **dấu chấm** hoặc **dấu chấm hỏi** :

Nam nhờ chị viết thư thăm ông bà vì em vừa mới vào lớp một, chưa biết viết ☐ . Viết xong thư, chị hỏi :

- Em còn muốn nói thêm gì nữa không ☐ ?

Cậu bé đáp :

- Dạ có ☐ . Chị viết hộ em vào cuối thư : "Xin lỗi ông bà vì chữ cháu xấu và nhiều lỗi chính tả".

CHÍNH TẢ

1. Viết ba chữ bắt đầu bằng **c**, ba chữ bắt đầu bằng **k** vào chỗ trống trong bảng sau :

Chữ bắt đầu bằng c	Chữ bắt đầu bằng k
M : <i>cò, cá, cây, củ, cỏ, cổng</i>	M : <i>kẹo, kiến, kính, kênh, kèm</i>

- (2) a) Điền vào chỗ trống **l** hoặc **n** :

Lên non mới biết non cao

Nuôi con mới biết công lao mẹ thấy.

b) Đặt trên chữ in đậm **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã** :

dạy **bảo** – cơn **bão** lặng **lẽ** – số **lẻ**

manh **mẽ** – sút **mẽ** áo **vải** – vương **vải**

TẬP LÀM VĂN

Viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) kể về ông, bà (hoặc một người thân) của em.

Gợi ý :

- Ông, bà (hoặc người thân) của em bao nhiêu tuổi ?
- Ông, bà (hoặc người thân) của em làm nghề gì ?
- Ông, bà (hoặc người thân) của em yêu quý và chăm sóc em như thế nào ?

Bài làm

Bà nội em năm nay đã 70 tuổi. Lúc trước, bà là một bác sĩ. Bà rất yêu thương em. Hằng ngày, bà cùng em đi dạo và kể chuyện cổ tích cho em nghe. Em rất yêu quý bà và mong bà sống mãi với em.

CHÍNH TẢ

1. Điền những tiếng có nghĩa vào ô trống trong bảng dưới đây :

	i	ê	e	ư	ơ	a	u	ô	o
g				gừ	gờ	gà	gù	gỗ	gò
gh	ghi	ghế	ghé						

2. Dựa vào bài tập 1, em hãy nêu nhận xét :

a) Chỉ viết **gh** mà không viết **g** trước các chữ cái : i, ê, e.

b) Chỉ viết **g** mà không viết **gh** trước chữ cái : a, o, ô, ơ, u, ư, â, ă.

(3) Điền vào chỗ trống :

a) s hoặc x

nước sôi, ăn xôi
cây xoan, tiếng nắng

b) ươn hoặc ương

vườn vai, vương vãi
bay lượn, số lượng

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm các đồ vật được vẽ ẩn trong tranh sau. Điền thông tin vào bảng :



Số thứ tự	Tên đồ vật	Số lượng	Tác dụng (Dùng làm gì ?)
1	bát to	1	đựng thức ăn
2	thìa	1	xúc thức ăn
3	chảo có tay cầm	1	rán, xào thức ăn
4	cốc	1	uống nước
5	tách	1	uống trà
6	đĩa	2	đựng thức ăn
7	ghế tựa	1	ngồi

8	kiếng	1	bắc bếp
9	thớt	1	thái rau, thịt
10	dao	1	thái
11	thang	1	trèo lên cao
12	giá	1	treo mũ áo
13	bàn có 2 ngăn kéo	1	làm việc
14	chổi	1	quét nhà
15	nồi hai quai	1	nấu ăn
16	đàn ghi ta	1	chơi nhạc
17	bàn học sinh	1	ngồi học

2. Gạch dưới các từ ngữ chỉ những việc mà bạn nhỏ trong bài thơ dưới đây muốn làm giúp ông và nhờ ông làm giúp :

Thỏ thẻ

Hôm nào ông có khách

Để cháu đun nước cho

Nhưng cái siêu nó to

Cháu nhờ ông xách nhé !

Cháu ra sân rút ra

Ông phải ôm vào cơ

Ngọn lửa nó bùng to

Cháu nhờ ông đập bột

Khói nó chui ra bếp

Ông thối hết khói đi

Ông cười xoa : "Thế thì

Lấy ai ngồi tiếp khách ?"

CHÍNH TẢ

1. Điền vào chỗ trống **g** hoặc **gh** :

- Lên thác xuống **gh**ềnh.
- Con **g**à cục tác lá chanh.
- **G**ạo trắng nước trong.
- **G**hi lòng tạc dạ.

(2) Điền vào chỗ trống :

a) **s** hoặc **x**

- Nhà **s**ạch thì mát, bát **s**ạch ngon cơm.
- Cây **x**anh thì lá cũng **x**anh

Cha mẹ hiền lành để đức cho con.

b) **ươn** hoặc **ương**

- **T**hương người như thể **t**hương thân.

Cá không ăn muối cá **ươn**

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

TẬP LÀM VĂN

1. Viết lại 2 - 3 câu em đã nói với ông (hoặc bà) khi ông (bà) bị mệt :

Ông ơi, ông có mệt lắm không ? Cháu lấy nước cho ông uống nhé ! Cháu quạt cho ông nhé !

2. Viết lời an ủi của em với ông (bà) :

a) Khi cây hoa do ông (bà) trồng bị chết.

Bà ơi, bà đừng buồn nữa nhé! Ngày mai, cháu cùng bà sẽ trồng lại một cây khác.

b) Khi kính đeo mắt của ông (bà) bị vỡ.

Ông ơi, ông đừng buồn nữa. Ngày mai bố cháu sẽ mua tặng ông chiếc khác.

3. Được tin quê em bị bão, bố mẹ về thăm ông bà. Em hãy viết một bức thư ngắn (giống như viết bưu thiếp) thăm hỏi ông bà :

Bài làm

Thành phố Hồ Chí Minh, 17 – 11 – 2013

Ông bà kính yêu !

Cháu xem ti vi thấy ở quê bị bão, cháu lo quá. Ông bà có khỏe không ạ ? Nhà cửa, ruộng vườn của ông bà có sao không ? Cháu mong ông bà luôn mạnh khỏe. Hè này cháu sẽ về thăm ông bà.

Cháu của ông bà

Trình

CHÍNH TẢ

1. Điền **ng** hoặc **nh** :

người cha, con **nhé**, suy **nhĩ**, ngon miệng

(2) Điền vào chỗ trống :

a) **tr** hoặc **ch**

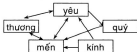
con trai, cái **chai**, trồng cây, **chống** bát

b) **at** hoặc **ac**

bãi **cát**, các con, **lười nhác**, nhút **nhát**

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Dùng mũi tên (→) nối các tiếng sau thành những từ có 2 tiếng.
Viết kết quả vào dòng dưới :



yêu mến, mến yêu, thương yêu, yêu thương, yêu quý, quý mến, kính mến, kính yêu, thương mến, mến thương.

2. Chọn từ ngữ thích hợp rồi điền vào chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh :
- a) Cháu *kính mến* ông bà.
 - b) Con *kính yêu* cha mẹ.
 - c) Em *thương yêu* anh chị.
3. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu sau :
- a) Chăn màn, quần áo được xếp gọn gàng.
 - b) Giường tủ, bàn ghế được kê ngay ngắn.
 - c) Giày dép, mũ nón được để đúng chỗ.

CHÍNH TẢ

1. Điền *iê*, *yê* hoặc *ya* vào chỗ trống trong đoạn văn sau :

Đêm đã khuya. Bốn bề **yên** tĩnh. Ve đã lặng **yên** vì mệt và gió cũng thôi trò **chuyện** cùng cây. Nhưng từ gian nhà nhỏ vẫn vẳng ra tiếng văng kẻo kẹt, tiếng mẹ ru con.

- (2) a) Viết vào chỗ trống những tiếng bắt đầu bằng *gi*, bằng *r* mà em tìm được trong bài thơ *Mẹ* (sách *Tiếng Việt 2*, tập một, trang 101) :

gi *gió, giấc*

r *rối, ru*

- b) Ghi vào chỗ trống những chữ có **dấu hỏi**, **dấu ngã** em tìm được trong bài thơ *Mẹ* :

‘ *cả, chẳng, ngủ, của*

~ *cũng, vẫn, kẻo, vồng, những, đã*

TẬP LÀM VĂN

Viết 4, 5 câu trao đổi qua điện thoại theo 1 trong 2 nội dung sau :

1. Bạn em gọi điện cho em, rủ em đến thăm một bạn trong lớp bị ốm. Em đồng ý và hẹn bạn ngày giờ cùng đi.

- Lan đấy à, tớ (mình) là Hoa đây. Bạn Hạnh vừa bị bệnh đấy, cậu (bạn) có đi thăm Hạnh cùng tớ (mình) không ?

- Ừ, 7 giờ tối nay, tớ (mình) sang nhà cậu (bạn) rồi ta cùng đi nhé !

2. Em đang học bài, bỗng bạn em gọi điện rủ em đi chơi. Em từ chối (không đồng ý) vì còn bận học.

- Trinh đấy phải không ? Tớ (Mình) là Trang đây. Cậu (Bạn) đi thư viện với chúng tớ (mình) đi !

- Không được rồi Trang ơi, tớ (mình) đang học bài, hẹn cậu (bạn) lúc khác nhé

CHÍNH TẢ

1. Điền vào chỗ trống từ chứa tiếng có *lê* hoặc *yê* theo nghĩa dưới đây :

a) Trái nghĩa với *khỏe*

→ yếu

b) Chỉ con vật nhỏ, sống thành đàn,

→ kiến

rất chăm chỉ.

c) Cùng nghĩa với *bảo ban*.

→ khuyên nhủ

(2) Đặt câu để phân biệt các từ trong mỗi cặp dưới đây :

a)

- rối : Mẹ bảo bé phải cột tóc gọn gàng cho khỏi rối.

Cuộn chỉ bị rối.

- dối : Cô giáo bảo nói dối là không tốt.

- rạ : *Cánh đồng cắt hết lúa chỉ còn trơ gốc rạ.*

Mẹ lấy rạ đun bếp.

- dạ : *Nói chuyện với người lớn phải vâng dạ lễ phép.*

b)

- mỡ : *Bé không thích ăn thịt mỡ.*

- mở : *Bé mở cửa mời bạn vào nhà chơi.*

- nữa : *Ăn hết bánh bé vẫn còn muốn ăn thêm nữa.*

Bé ăn thêm một chén cơm nữa.

- nửa : *Bé để dành một nửa số kẹo cho em.*

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết tên những việc em đã làm ở nhà giúp cha mẹ :

quét nhà

tưới cây

trông em

quét nhà

nấu cơm, vo gạo

lau bàn

nhặt rau, rửa rau

gấp quần áo

2. Gạch một gạch (—) dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Ai ?**

Gạch hai gạch (==) dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **làm gì ?**

M : Chi đến tìm bóng cúc màu xanh.

a) Cây xòa cành ôm cậu bé.

b) Em học thuộc bài hát

c) Em làm bài tập tiếng Việt.

3. Nối từ ở 3 nhóm (1, 2, 3) để tạo thành những câu hợp nghĩa :



④ Đặt 2 câu, mỗi câu kể một việc em đã làm ở nhà :

a) *Em trông em cho mẹ.*

b) *Em giúp mẹ quét nhà.*

CHÍNH TẢ

1. Điền **ê** hoặc **ye** vào chỗ trống :

câu chuyện, yên lặng, viên gạch, luyện tập

(2) a) Điền vào chỗ trống **đ** hoặc **gi** :

Dung **đ**ang **đ**ung **đ**ẻ

Đất trẻ đi chơi

Đến ngõ nhà **gi**ời

Lạy cầu, lạy **đ**ợ

Cho cháu về quê

Cho **đ**ẻ đi học.

b) Điền vào chữ in đậm **đấu hỏi** hoặc **đấu ngã** :

Làng tôi có **lũy** tre xanh

Có sông Tô Lịch **chảy** quanh xóm làng

Trên bờ, **vải**, **nhãn** hai hàng

Dưới sông cá **lội** từng đàn tung tăng.

TẬP LÀM VĂN

Viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) kể về gia đình em.

Gợi ý :

- Gia đình em gồm mấy người ? Đó là những ai ?
- Nói về từng người trong gia đình em.
- Em yêu quý những người trong gia đình em như thế nào ?

Bài làm

Gia đình em có bốn người. Bố em làm giám đốc. Mẹ em làm kế toán cho công ti. Chị của em học trường chuyên Lê Quý Đôn. Còn em học lớp Hai Trường Tiểu học Kim Đồng. Mọi người trong gia đình em rất yêu thương nhau. Em mong bố mẹ và chị của em sẽ ở bên em suốt đời.

CHÍNH TẢ

① Điền vào chỗ trống :

a) *l* hoặc *n*

lên bảng, nên người, ám no, lo lắng

b) *l* hoặc *lê*

mãi miết, hiểu biết, chim sẻ, điểm 10

c) *đ* hoặc *đc*

chuột nhắt, nhắc nhở, đặt tên, thắc mắc

(2) Tìm từ :

a) Chưa tiếng có *l* hoặc *n* :

- Chỉ những người sinh ra bố : ông bà **nội**
- Trái nghĩa với nóng : **lạnh**
- Cùng nghĩa với không quen : **lạ**

b) Chưa tiếng có vần *in* hoặc vần *iên* :

- Trái nghĩa với dữ : **hiền**
- Chỉ người tốt với phép lạ trong truyện cổ tích : **tiên**
- Chỉ quả, thức ăn,... đến độ ăn được : **chín**

c) Chưa tiếng có vần *ăt* hoặc vần *ắc* :

- Có nghĩa là cầm tay đưa đi : **đắt**
- Chỉ hướng ngược với hướng nam : **bắc**
- Có nghĩa là dùng dao hoặc kéo làm đứt một vật : **cắt**

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết vào chỗ trống 3 từ nói về tình cảm yêu thương giữa anh chị em :
đùm bọc, thương yêu, quan tâm, nhường nhịn, giúp đỡ, chăm sóc, chiều chuộng, sẻ chia,...

2. Sắp xếp các từ ở 3 nhóm sau thành câu theo mẫu :

(1)	(2)	(3)
anh	khuyến bảo	anh
chị	chăm sóc	chị
em	trông nom	em
chị em	giúp đỡ	nhau
anh em		

Ai	làm gì ?
M : Chị em	giúp đỡ nhau.

- Anh khuyến bảo em.
- Anh em khuyến bảo nhau.
- Chị chăm sóc em.
- Chị em chăm sóc nhau.
- Anh em giúp đỡ nhau.
- Chị trông nom em.
- Anh trông nom em.
- Chị khuyến bảo em.

3. Điền vào ☐ **dấu chấm** hoặc **dấu chấm hỏi** :

Bé nói với mẹ :

- Con xin mẹ tờ giấy để viết thư cho bạn Hà ☐.

Mẹ ngạc nhiên :

- Nhưng con đã biết viết đâu ☐ ?

Bé đáp :

- Không sao, mẹ ạ ! Bạn Hà cũng chưa biết đọc ☐.

CHÍNH TẢ

(1) Chọn chữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống :

a) (lấp, nấp) **lấp** lánh

(lặng, nặng) **nặng** nề

(lạnh, nanh) **lạnh** lợi

(lóng, nóng) **nóng** nảy

b) (tin, tiên) **tin** cậy

(tìm, tiếm) **tìm** tòi

(khim, khiêm) **khiêm** tốn

(mật, miệt) **miệt** mài

c) (thất, thác) **thắc** mắc

(chất, chắc) **chắc** chắn

(nhật, nhạc) **nhật** nhạch

(2) Đặt câu để phân biệt một cặp tiếng em chọn ở bài tập 1 :

a) Bé **lặng** yên cho bà ngủ.

*Em bé mập quá, bước đi **nặng** nề.*

b) Bạn Hiến được cả lớp **tin cậy** bầu làm lớp trưởng.

*Em rất thích đọc truyện có các bà **tiên**.*

c) Bà em **chất** chiu từng hạt gạo.

*Bạn Minh **chắc chắn** kết quả bài toán đó đúng.*

TẬP LÀM VĂN

1. Quan sát tranh trong sách *Tiếng Việt 2*, tập một, trang 118, trả lời các câu hỏi sau :

a) Bạn nhỏ đang làm gì ?

Bạn nhỏ đang đút bột cho búp bê ăn.

b) Mắt bạn nhìn búp bê như thế nào ?

Mắt bạn nhìn búp bê thật âu yếm.

c) Tóc bạn như thế nào ?

Tóc bạn buộc hai chiếc nơ xinh xinh.

d) Bạn mặc áo màu gì ?

Bạn mặc một chiếc áo màu xanh rất dễ thương.

2. Bà đến đón em đi chơi. Hãy viết một vài câu nhắn lại để bố mẹ biết.

Bài làm

6 giờ chiều, ngày 8 – 7 – 2013

Bố mẹ ơi ! Bà nội đến nhà mình chơi. Bà đợi mãi mà bố mẹ vẫn chưa về. Con đã ăn cơm cùng bà rồi. Bà đưa con đi nhà sách với bà. Khoảng 8 giờ tối bà sẽ đưa con về nhà.

Con của bố mẹ

Trình

CHÍNH TẢ

1. Tìm và ghi vào chỗ trống :

- 2 từ có tiếng chứa vần *ai* : *cái tai, sai bảo, chai, gà mái, hái, trái,...*
- 2 từ có tiếng chứa vần *ay* : *cánh tay, say mê, máy bay, dạy, chạy,...*

(2) Tìm và viết vào chỗ trống các từ :

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng **s** hoặc **x**

- Chỉ thấy thuốc : *bác sĩ*
- Chỉ tên một loài chim : *chim sẻ*
- Trái nghĩa với *đẹp* : *xấu*

b) Chừa tiếng có vấn ắt hoặc ắt

- Trái nghĩa với còn : mất

- Chỉ động tác ra hiệu đồng ý bằng đầu : gật

- Chỉ chỗ đặt chân để bước lên thêm nhà (hoặc cầu thang) : bậc

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Dựa vào tranh, trả lời câu hỏi :

a) Em bé thế nào ? (xinh, đẹp, dễ thương)

Em bé dễ thương. / Em bé rất xinh. / Em bé rất dễ thương.

b) Con voi thế nào ? (khỏe, to, chăm chỉ)

Con voi rất khỏe.

Con voi thật to.

Con voi làm việc rất chăm chỉ.

c) Những quyển vở thế nào ? (đẹp, nhiều màu, xinh xắn)

Những quyển vở này rất nhiều màu.

Những quyển vở trông thật xinh xắn.

Những quyển vở trông thật đẹp.

d) Những cây cau thế nào ? (cao, thẳng, xanh tốt)

Những cây cau thẳng và cao / Những cây cau trông thật xanh tốt.

2. Viết tiếp vào chỗ trống những từ chỉ đặc điểm của người và vật :

a) Đặc điểm về tính tình của một người :

tốt, ngoan, hiền, chăm chỉ, lễ phép, dịu dàng, nóng nảy,...

b) Đặc điểm về màu sắc của vật :

trắng, xanh, đỏ, vàng, lam, tím, nâu, đen, xám, cam, hồng,...

c) Đặc điểm về hình dáng của người, vật :

cao, tròn, vuông, thấp, mập, gầy, ốm, ngắn, dài,...

3. Chọn từ thích hợp rồi đặt câu với từ ấy để tả :

a) Mái tóc của ông (hoặc bà) em : *bạc trắng, đen nhánh, hoa râm,...*

M : *Mái tóc ông em bạc trắng.*

Mái tóc của bà hoa râm.

b) Tính tình của bố (hoặc mẹ) em : *hiền hậu, vui vẻ, điềm đạm,...*

Tính tình của mẹ em hiền hậu.

Tính tình của bố em vui vẻ.

Tính tình của mẹ em điềm đạm.

c) Bàn tay của em bé : *mũm mĩm, trắng hồng, xinh xắn,...*

Bàn tay của em bé mũm mĩm.

Bàn tay của em bé trắng hồng.

Bàn tay của em bé xinh xắn.

d) Nụ cười của anh (hoặc chị) em : *tươi tắn, rạng rỡ, hiền lành,...*

Nụ cười của chị em tươi tắn.

Nụ cười của anh em rạng rỡ.

Nụ cười của chị em hiền lành.

CHÍNH TẢ

1. Viết vào chỗ trống từ có tiếng chứa vần **ai** hoặc **ay** :

a) Chỉ sự di chuyển trên không : **bay**

b) Chỉ nước tuôn thành dòng : **chảy**

c) Trái nghĩa với đúng : **sai**

(2) Điền vào chỗ trống :

a) **s** hoặc **x**

sắp xếp, **x**ếp hàng, **s**áng sửa, **x**ôn xao

b) **át** hoặc **ắc**

giác ngủ, **th**ật thà, **ch**ủ nhật, **nh**ắc lên

TẬP LÀM VĂN

1. Viết lời chúc mừng của em khi chị Liên được giải trong kì thi học sinh giỏi :

Em chúc mừng chị. Chúc chị sang năm đạt giải cao hơn.

2. Viết 3 - 4 câu kể về anh, chị, em ruột (hoặc anh, chị, em họ) của em :

Bài làm

Chị của em tên là Mỹ Hạnh. Năm nay chị được 18 tuổi, là sinh viên năm thứ nhất của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Chị có làn da trắng, đôi mắt sáng ngời và luôn nở nụ cười trên môi. Sau khi chị tốt nghiệp đại học chị sẽ trở thành giáo viên như chị đã từng mong ước. Em rất yêu quý chị và luôn tự hào về chị. Em sẽ cố gắng học thật giỏi để sau này trở thành

CHÍNH TẢ

1. Tìm và viết vào chỗ trống :

Ba tiếng có vần <i>ui</i>	Ba tiếng có vần <i>uy</i>
M : núi, túi, vui, chui, mùi, mũi	M : (tàu) thủy, lầy (tre) hủy (bỏ), huy (hiệu), khuy áo, suy nghĩ

② a) Ghi tiếp vào chỗ trống những từ chỉ đồ dùng trong nhà bắt đầu bằng **ch** :

chân, chiếu, chai, chạn, chén, chậu, chảo, chày, chổi

b) Tìm trong bài tập đọc *Con chó nhà hàng xóm* :

- Ba tiếng có **thanh hỏi**.

M : nháy, mãi, kể, hỏi, thỉnh thoảng, hiểu,...

- Ba tiếng có **thanh ngã**.

M : vầy, gỗ, ngã, bác sĩ,...

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau :

- a) tốt **M** : *tốt - xấu*
- b) ngoan : *ngoan - hư*
- c) nhanh : *nhanh - chậm*
- d) trắng : *trắng - đen*
- e) cao : *cao - thấp*
- g) khỏe : *khỏe - yếu*

2. Chọn một cặp từ trái nghĩa vừa tìm được ở bài tập 1, đặt câu với mỗi từ trong cặp từ trái nghĩa đó :

- M** : - *Chú chó ấy rất ngoan.*
 - *Chú mèo này rất hư.*
 - *Thỏ chạy rất nhanh.*
 - *Rùa bò rất chậm.*

3. Viết tên các con vật sau :

- | | | |
|--------------------|-----------|------------------|
| 1. gà | 5. bồ câu | 9. bò (bò và bê) |
| 2. vịt | 6. dê | 10. trâu |
| 3. ngan (vịt xiêm) | 7. cừu | |
| 4. ngỗng | 8. thỏ | |

CHÍNH TẢ

1. Tìm và ghi vào chỗ trống các tiếng chỉ khác nhau ở vần **ao** hoặc vần **au** :

M : *rao - rau*

*báo - bầu, cáp - cẩu, cháo - cháu, đau - dẩu, hao - hẩu, lao - lau,
mau - mao, sáo - sáu, phao - phau, nhao - nhau,...*

(2) Điền vào chỗ trống :

a) Chữ bắt đầu bằng

tr

cây **tr**e

buổi **tr**ưa

ông **tr**ắng

con **tr**âu

nước **tr**ong

ch

che **ch** nắng

chưa ăn

chăng dây

châu báu

chong chóng

b) Chữ có

đầu **h**ỏi

mở **c**ửa

ngà **m**ũ

nghĩ **ng**ơi

đổ **r**ác

vẩy **c**á

đầu **ng**ã

thịt **m**ỡ

ngã **b**a

suy **ng**hĩ

đổ **đ**ạt

vẩy **t**ay

TẬP LÀM VĂN

1. Từ mỗi câu dưới đây, đặt một câu mới để tỏ ý khen :

a) Chú Cường rất khỏe.

Chú Cường khỏe quá !

b) Lớp mình hôm nay rất sạch.

Lớp mình hôm nay sạch quá đi !

c) Bạn Nam học rất giỏi.

Bạn Nam học giỏi quá ta !

2. Viết 3 – 4 câu nói về một con vật nuôi trong nhà :

Bài làm

Nhà em nuôi một con chó rất xinh. Tên của nó là Mi Lu. Mi Lu không to lắm, lông của nó trắng mượt, sờ rất êm tay. Mi Lu thường đi dạo với em vào buổi chiều. Mỗi khi em đi học về, Mi Lu thường vẫy đuôi mừng em.

3. Lập thời gian buổi tối của em :

Buổi tối của Trinh như sau:

6 giờ 30 phút	7 giờ	7 giờ 30 phút	9 giờ 30 phút
Ăn cơm tối	Xem hoạt hình	Học bài	Đi ngủ

CHÍNH TẢ

1. Điền vào chỗ trống **ư** hoặc **ơ** :

- a) Chàng trai xuống **thư** cung, được Long Vương tặng viên ngọc **quý**.
- b) Mất ngọc, chàng trai ngậm ngùi. Chó và Mèo an **ủ** chủ.
- c) Chuột chui vào tủ, lấy viên ngọc cho Mèo. Chó và Mèo vui **lắm**.

(2) Điền vào chỗ trống :

a) **r**, **d** hoặc **gi**

rừng núi, dừng lại, cây **gi**ang, rang tôm

b) **ơ** hoặc **ơ**

lợn kêu eng **ơ**, hết to, mùi **ơ**

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Chọn từ trong ngoặc đơn chỉ đặc điểm của con vật, rồi điền vào dưới hình vẽ mỗi con vật đó :

(*nhANH, CHẬM, KHỎE, TRUNG THÀNH*)



khỏe



chậm



trung thành



nhANH

2. Viết từ ngữ chỉ hình ảnh so sánh vào sau mỗi từ dưới đây :

M : đẹp → đẹp như tiên (đẹp như tranh)

a) đẹp → *đẹp như hoa*

b) cao → *cao như cây tre / cao như núi*

c) khỏe → *khỏe như voi / khỏe như trâu*

d) nhanh → *nhanh như thỏ / nhanh như sóc*

e) chậm → *chậm như rùa / chậm như sên*

g) hiền → *hiền như Bụt*

h) trắng → *trắng như trứng gà bóc / trắng như tuyết*

i) xanh → *xanh như tàu lá chuối*

k) đỏ → *đỏ như lửa / đỏ như gấc*

3. Dùng cách nói trên để viết tiếp các câu sau :

M : Mắt con mèo nhà em tròn ...

→ Mắt con mèo nhà em tròn như hòn bi ve.

a) Mắt con mèo nhà em tròn *như hạt nhãn*.

b) Toàn thân nó phủ một lớp lông màu tro, mượt *như lụa / nhung / tơ*.

c) Hai tai nó nhỏ xíu *như hai búp lá non*.

CHÍNH TẢ

1. Điền **ao** hoặc **ua** vào chỗ trống :

Sau mấy đợt rét đậm, mùa xuân đã về. Trên cây **gao** ngoài đồng, từng đàn **sáo** chuyển cánh lao **xao**. Gió rì rào như **báo** tin vui, giục người ta mau đón chào xuân mới.

(2) a) Điền vào chỗ trống **r, d** hoặc **gi** :

- Bánh rán, con **gián**, **đán** giấy

- **đảnh** dục, tranh **giảnh**, rãnh mạch

b) Điền vào ô trống từ tiếng chứa vần **ét** hoặc **éc** theo nghĩa dưới đây :

- | | | |
|--------------------------------|---|---------------------|
| - Chỉ một loại bánh để ăn Tết. | → | <div>bánh tét</div> |
| - Gọi tiếng kêu của lợn. | → | <div>eng éc</div> |
| - Chỉ mùi cháy. | → | <div>khét</div> |
| - Trái nghĩa với yêu. | → | <div>ghét</div> |

TẬP LÀM VĂN

1. Bố đi công tác về, tặng em một gói quà. Mở gói quà ra, em rất ngạc nhiên và thích thú khi thấy một cái vỏ ốc biển rất to và đẹp. Viết câu nói thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú của em :

Ố, vỏ ốc đẹp quá ! Con cảm ơn bố rất nhiều !

2. Dựa vào mẫu chuyện sau, viết thời gian biểu sáng chủ nhật của bạn Hà :

Sáng chủ nhật, mới 6 giờ rưỡi, Hà đã dậy. Em chạy ngay ra sân tập thể dục rồi đi đánh răng, rửa mặt. Lúc kim đồng hồ chỉ 7 giờ, mẹ mang cho Hà một bát mì nhỏ. Em ăn sáng mất 15 phút, rồi mặc quần áo. Đúng 7 giờ 30, mẹ đưa em đến trường dự lễ sơ kết học kì. Mẹ dặn bố : "Mười giờ mẹ con em về, cả nhà sẽ sang ông bà".

Bài làm

6 giờ 30 : thức dậy, tập thể dục, đánh răng, rửa mặt

7 giờ : ăn sáng

7 giờ 15 : mặc quần áo

7 giờ 30 : đến trường

10 giờ : về nhà, sang nhà ông bà

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Tiết 1

1. Gạch dưới các từ chỉ sự vật trong câu sau :

Dưới ô của máy bay hiện ra nhà cửa, ruộng đồng, làng xóm, núi non.

2. Viết bản tự thuật theo mẫu đã học :

Tự thuật

Họ và tên : Đỗ Ngọc Phương Trinh.

Nam, nữ : Nữ.

Ngày sinh : 09/05/2005

Quê quán : Thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi ở hiện nay : 161D/104/54L Lạc Long Quân, phường 3, quận 1 , Thành phố Hồ Chí Minh.

Học sinh lớp : 2B

Trường : Tiểu học Kim Đồng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Người tự thuật

Trinh

Đỗ Ngọc Phương Trinh

Tiết 2

1. Đặt câu rồi ghi vào chỗ trống :

- a) Tự giới thiệu về em với mẹ của bạn em, khi em đến nhà bạn lần đầu.

Thưa bác, cháu là Trinh, học cùng lớp với Trang. Bác cho cháu hỏi Trang có ở nhà không ạ ?

- b) Tự giới thiệu về em với bác hàng xóm, khi bố bảo em sang mượn bác cái kim.

Cháu chào bác ạ, cháu là Nam, con bố Hóa. Bác cho cháu hỏi mượn cái kim ạ !

c) Tự giới thiệu về em với cô hiệu trưởng, khi em đến phòng cô :
mượn lọ hoa cho lớp.

*Thưa cô, em là Hùng, học lớp 2B. Xin cô cho lớp em mượn lọ
hoa ạ !*

2. Dùng dấu chấm ngắt đoạn sau thành 5 câu, rồi viết lại cho
đúng chính tả :

Đầu năm học mới, Huệ nhận được quà của bố. Đó là một
chiếc cặp rất xinh. Cặp có quai đeo. Hôm khai giảng ai cũng
phải nhìn Huệ với chiếc cặp mới. Huệ thầm hứa sẽ học chăm,
học giỏi cho bố vui lòng.

Tiết 3

1. Tìm bài tập đọc ở cột A theo mục lục sách *Tiếng Việt 2*, tập
một rồi điền vào chỗ trống :

(A)	(B)
M : <i>Bím tóc đuôi sam</i>	Tuần 4 (chủ điểm <i>Bạn bè</i>), trang 31.
<i>Người thầy cũ</i>	Tuần 7 (chủ điểm <i>Thầy cô</i>), trang 56.
<i>Câu chuyện bó đũa</i>	Tuần 14 (chủ điểm <i>Anh em</i>), trang 112.

2. Đọc thầm và trả lời câu hỏi :

Đàn gà mới nở

Con mẹ đẹp sao

Những hòn tơ nhỏ

Chạy như lăn tròn

Trên sân, trên cỏ.

Vườn trưa gió mát

Bướm bay dập dờn

Quanh đôi chân mẹ

Một rừng chân con.

a) Những chú gà con trông như thế nào?

Những chú gà con trông như những hòn tơ nhỏ.

b) Đàn gà con chạy như thế nào?

Đàn gà con chạy như lăn tròn trên sân, trên cỏ.

Tiết 4

1. Gạch dưới 8 từ chỉ hoạt động trong đoạn văn sau :

Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá. Trong bếp, bác mèo mướp vẫn nằm li bên đồng tro ấm. Bác lìm đìm đôi mắt, luôn miệng kêu : "Rét !". Thế nhưng, mới sớm tinh mơ, chú gà trống chạy tót ra giữa sân. Chú vượn mình, đang đôi cánh to, khỏe như hai chiếc quạt, vỗ phành phạch, rồi gáy vang : "Ò ... ó ... ó !".

2. Viết tên các dấu câu em gặp trong đoạn văn trên : *dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm than, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu ba chấm.*

3. Trên đường, chú công an gặp một em nhỏ đang khóc. Chú hỏi :

- Vì sao cháu khóc ?

Em nhỏ trả lời :

- Cháu không tìm thấy mẹ.

Nếu em là chú công an, em sẽ hỏi thêm những gì để đưa em nhỏ về nhà ?

Cháu đừng khóc nữa, chú sẽ đưa cháu về nhà.

Cháu nói cho chú biết :

Cháu tên gì ?

Mẹ cháu tên gì ?

Nhà cháu ở đâu ?

Nhà cháu có số điện thoại không ?

Tiết 5

1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động trong mỗi tranh bên. Đặt câu với từ ngữ đó.



M : Từ ngữ : tập thể dục

Câu : sáng nào em cũng tập thể dục.



Từ ngữ : vẽ

Câu : Lan và Minh đang vẽ tranh.



Từ ngữ : học

Câu : Bạn Khang ngồi học bài ngay ngắn.



Từ ngữ : cho gà ăn

Câu : Ngày nào, em cũng giúp mẹ cho gà ăn.



Từ ngữ : quét

Câu : Em quét nhà rất sạch.

2. Ghi lại lời của em :

- a) Khi em mời cô hiệu trưởng đến dự buổi họp mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11 ở lớp em.

Thưa cô, em kính mời cô đến dự buổi họp mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11 ở lớp em.

b) Khi em nhờ bạn khênh giúp cái ghế.

Mình ơi, khênh giúp tớ (mình) cái ghế với !

c) Khi em đề nghị các bạn ở lại hộp Sao Nhi đồng.

Đề nghị tất cả các bạn ở lại hộp Sao Nhi đồng.

Tiết 6

1. a) Viết lời kể dưới mỗi tranh để tạo thành một câu chuyện.



Một bà cụ chống gậy đứng trên vỉa hè. Bà muốn sang đường nhưng đường đang đông xe cộ qua lại.

Một bạn học sinh đi tới. Bạn hỏi :
- Bà ơi, bà muốn sang đường phải không ạ ?

Bà cụ đáp :
- Ừ, nhưng đường đông quá, bà sợ.
- Bà đừng lo, cháu sẽ giúp bà.
Bạn nhỏ nắm tay bà cụ, đưa bà qua đường.

b) Đặt tên cho câu chuyện trên :

Cậu bé ngoan / Giúp đỡ người già yếu.

2. Em đến nhà bạn để báo cho bạn đi dự Tết Trung thu nhưng cả gia đình bạn đi vắng. Hãy viết lại lời nhắn tin cho bạn ấy.

8 giờ sáng, ngày 12 - 9 - 2013

Trình ơi !

Tớ (Mình) đến nhưng cả nhà đi vắng. Mời bạn 8 giờ tối thứ sáu đến trường dự Tết Trung thu nhé !

*Bạn của cậu
Nam*

Tiết 7

1. Gạch dưới các từ chỉ đặc điểm của người và vật trong những câu dưới đây :
 - a) Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá.
 - b) Mấy bông hoa mướp vàng tươi như những đốm nắng đã nở sáng trưng trên giàn mướp xanh mát.
 - c) Chỉ ba tháng sau, nhờ siêng năng, cần cù, Bác đã đứng đầu lớp.
2. Cô giáo (thầy giáo) lớp 1 của em đã chuyển sang dạy ở một trường khác. Nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, em hãy viết bưu thiếp chúc mừng cô (thầy).

18 – 11 – 2013

Cô yêu quý !

Nhân dịp Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11. Em kính chúc cô luôn mạnh khỏe và hạnh phúc.

Em luôn nhớ cô và mong được gặp lại cô!

Học trò cũ của cô

Trình

Đỗ Ngọc Phương Trình

Tiết 8

1. Viết lại lời đáp của em :
 - a) Khi bà bảo em giúp bà khâu kim.
- Vâng ạ, cháu làm ngay đây.
 - b) Khi chị bảo em giúp chị nhặt rau nhưng em chưa làm bài xong.
- Chị ơi, chị chờ em một lát, em làm xong bài này sẽ giúp chị ngay.
 - c) Khi một bạn ở lớp nhờ em giúp bạn làm bài trong giờ kiểm tra.
Bạn thông cảm, mình không thể giúp bạn được. Bạn hãy cố gắng lên !
 - d) Khi một bạn mượn em cái gọt bút chì.
Đây này, bạn cầm đi.

2. Viết khoảng 5 câu kể về một bạn lớp em.

Phương Trinh là lớp trưởng của lớp em. Bạn ấy xinh xắn, học giỏi và hay giúp đỡ mọi người. Các bạn trong lớp rất yêu mến Phương Trinh. Em cũng yêu quý bạn ấy và xem bạn là một tấm gương tốt để noi theo. Hi vọng Phương Trinh mãi là bạn tốt của mình.

Tiết 9

BÀI LUYỆN TẬP

1. Dựa theo nội dung câu chuyện *Cò và Vạc* (sách *Tiếng Việt 2*, tập một, trang 151), ghi dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Cò là một học sinh như thế nào ?

☒ Ngoan ngoan, chăm chỉ

b) Vạc có điểm gì khác cò ?

☒ Không chịu học hành

c) Vì sao ban đêm Vạc mới bay đi kiếm ăn ?

☒ Vì xấu hổ

d) Những cặp từ ngữ nào dưới đây là cặp từ ngữ cùng nghĩa ?

☒ Chăm chỉ – siêng năng

e) Câu *Cò ngoan ngoan* được cấu tạo theo mẫu nào trong ba mẫu dưới đây ?

☒ Mẫu 3 : *Ai thế nào ?*

2. Viết từ 1 đến 3 câu trên bưu thiếp chúc mừng bạn em nhân dịp sinh nhật bạn :

09 – 05 – 2013

Trình thân mến !

Nhân dịp sinh nhật lần thứ 7 của cậu (bạn), tớ (mình) chúc cậu (bạn) luôn ngoan ngoan, học giỏi, vâng lời ba mẹ và thầy cô.

Bạn thân của cậu

Khang

Đỗ Minh Khang